

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THIÊN MINH PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THIÊN MINH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN MINH PHAT CONSTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703143293

3. Ngày thành lập: 28/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

A42P Bình Nhâm 21, Phường Bình Nhâm, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0909180879

Fax:

Email: phamthuyhao1008@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322(Chính)
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết : trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
11.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
14.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
15.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
16.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết : trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
17.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết : trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
18.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết : trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
19.	Xây dựng nhà để ở	4101
20.	Xây dựng nhà không để ở	4102
21.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
22.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
23.	Xây dựng công trình điện	4221
24.	Xây dựng công trình thủy	4291
25.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
26.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
27.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
28.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

